

Bản án số: 85/2023/HS-ST

Ngày: 31 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Miến

Ông Nguyễn Văn Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thịnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện TT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2023/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ B, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1980 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; nơi ĐKTT: Thôn B, xã PX, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ng và con bà Đỗ Thị B1 (đã chết); có chồng Phùng Văn K; có 03 con: Lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông IS - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: 72A, NT, phường TĐ, quận TX, thành phố Hà Nội (giấy uỷ quyền số: 22022023/MKVC-UQ ngày 22/02/2023). Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người làm chứng:

- Ông Phùng Văn K, sinh năm 1976 (Có mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Thôn B, xã PX, huyện TT, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam thuê Công ty cổ phần tập đoàn I thi công “Tòa nhà khoan NC” và sửa chữa “Trạm thu hồi đồng 1” nằm trong Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam. Bị cáo Nguyễn Thị B (trú tại: thôn B - xã PX - huyện TT - TP Hà Nội) được Công ty cổ phần tập đoàn I thuê làm công nhân thời vụ làm công việc dọn dẹp, chuẩn bị vật tư để thi công các hạng mục nằm trong Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam. Khoảng 17 giờ ngày 05/2/2023, bị cáo B nhìn thấy 01 (một) bao tải để bên rìa đường gần chỗ thi công bên trong bao tải chứa nhiều cục kim loại màu vàng, trọng lượng 105kg đặt ở đường trước cửa “Trạm thu hồi đồng 1”. Bị cáo B nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đi ra khu vực bãi rác trong Công ty M nhật 06 (sáu) bao tải nhỏ để chia số kim loại trên thành 3 (ba) bao tải nhỏ và sử dụng xe cải tiến chở 03 (ba) bao tải chứa kim loại màu vàng vào nhà kho của Trạm thu hồi đồng 1. Trong kho của trạm thu hồi đồng 1, bị cáo B tiếp tục chia 3 bao tải thành 6 bao tải chứa kim loại còn vỏ bao tải to ban đầu bị cáo B vứt bỏ ra ngoài. Sau đó, bị cáo B sử dụng xe cải tiến chở 02 (hai) bao tải chứa kim loại màu vàng ra khu vực bờ tường bao giáp khu đất dịch vụ của thôn B - xã PX rồi gọi điện thoại cho chồng là Phùng Văn K đến khu vực bờ tường bao trên chở số kim loại về để ở bếp của gia đình. Sau khi hết giờ làm việc, bị cáo B tiếp tục dùng xe cải tiến chở thêm 02 (hai) chuyến mỗi chuyến chở 02 bao tải chứa kim loại màu vàng, rồi ném ra khu đất dịch vụ thôn B - xã PX. Khi ra khỏi công ty, bị cáo B đi xe đạp ra khu vực đất dịch vụ thôn B - xã PX chở 04 bao tải trên về nhà. Bị cáo B đổ dồn 04 (bốn) bao tải chứa kim loại vừa lấy được và 02 (hai) bao tải mà K mang về trước đó thành 3 bao tải. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/2/2023, khi kết thúc ngày làm việc bị cáo B phát hiện 1 bao tải chứa kim loại bằng đồng trọng lượng 14kg ở lề đường gần trạm thu hồi đồng 1 nên bị cáo B xách bao tải chứa kim loại đó ra khu vực bờ tường bao rồi ném qua tường bao sang khu đất dịch vụ thôn B. Khi ra khỏi công ty, bị cáo B đi xe đạp ra khu vực đất dịch vụ thôn B chở bao tải trên về nhà rồi đổ dồn vào 3 bao tải chứa kim loại mà bị cáo B trộm được trước đó. Ngày 07/2/2023, bị cáo B được đại diện Nhà thầu I GROUP gọi lên Công ty M để làm việc, tại đây bị cáo B đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình. Ngày 10/5/2023, bị cáo B và K đã mang số tài sản trộm được trao trả lại cho Công ty. Anh Lê Đức Đ là Giám đốc dự án thi công tòa nhà khoan NC, công trình do Công ty cổ phần tập đoàn I nhận và cân lại 3 bao tải mà vợ chồng bị cáo B giao nộp xác định 1 bao nặng 43,5kg, 1 bao nặng 50kg, 1 bao nặng 28kg. Tổng trọng lượng là 121,5kg (trong đó phần bao bì

nặng 2,5kg). Sau khi chụp ảnh xong thì anh Đ lập biên bản và cho mọi người ký xác nhận.

*** Tang vật thu giữ:**

- 119 kg kim loại để trong 01 bao tải dứa màu trắng do Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam giao nộp.

- 02 (hai) đoạn video do Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam giao nộp.

- Tài bản kết luận định giá tài sản số: 18/KL-HĐĐG, ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TT kết luận: Giá trị của 119 kg đồng phế liệu có hình khối khác nhau có giá trị là 10.234.000đ (mười triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Đối với Phùng Văn K có hành vi chớ 2 bao tải chứa kim loại mà bị cáo B trộm cắp được mang về để ở nhà tại thôn B, xã PX. Khi đưa 2 bao tải chứa kim loại cho K thì bị cáo B nói rằng đó là số sắt vụn nhặt được tại bãi rác của Công ty, do vậy ý thức chủ quan của K không biết nguồn gốc số tài sản đó là do bị cáo B trộm cắp mà có. Sau khi được biết số kim loại trên là do bị cáo B trộm cắp được thì K đã cùng bị cáo B trao trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam nên hành vi của K không đồng phạm với bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điều 173 - Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với 119 kg kim loại là tài sản hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Vũ Xuân H là người được ủy quyền hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử M Việt Nam là có căn cứ.

Tại Bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 14/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố Nguyễn Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Trách nhiệm dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn M nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tang vật: Không.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi tuyên án: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thừa nhận khoảng 17 giờ 00 phút ngày 05/02/2023 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 105kg cục kim loại màu vàng trị giá: 9.030.000 đồng. Tiếp đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/02/2023 bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản 14kg chứa kim loại bằng đồng trị giá: 1.204.000 đồng. Tổng cộng số tiền 10.234.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo có hành vi Trộm cắp tài sản trị giá 10.234.000 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng tại địa phương, tính chất mức độ phạm tội và hậu quả xảy ra là ít nghiêm trọng nên cần có biện pháp xử lý nghiêm để răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Hội đồng xét xử, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo bồi thường thiệt hại cho Công ty nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tình tiết tăng nặng: Không.

Hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo như đã phân tích. Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng không cần thiết phải cách ly bị

cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn M nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xử lý vật chứng: Không.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, s, i khoản 1 điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PX, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trách nhiệm dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn M nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TANDTPHN; VKSNDTPHN;
- CA, VKSND, THA huyện TT;
- Bị cáo, người bị hại;
- Ủy ban nhân dân xã PX;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTPHN; VKSNDTPHN;
- CA, VKSND, THA huyện TT;
- Bị cáo, người bị hại;
- UBND xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA